TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **09**/2022/KDTM-ST Ngày: 27-4-2022 V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa**: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd; địa chỉ: SN OB, UR1, #01-77, Singapore 408729; địa chỉ liên lạc: Văn phòng đại diện H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh; Lầu N, số HNCA, đường NVT, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lê Văn T, sinh năm 1965; anh Cao Nguyễn Thành T1, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Gia V, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Tầng B, Số BNBA, đường NTMK, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021), có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH S Furniture Việt Nam; địa chỉ: Khu lô đất CH.M, đường ĐM, khu công nghiệp ĐA 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Th, chức danh: Giám đốc Công ty; là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021, bổ sung đơn kiện ngày 28 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd do anh Lê Văn T, anh Cao Nguyễn Thành T1 và anh Nguyễn Gia V đại diện thống nhất trình bày:

+ Ngày 26/10/2019, Công ty S có Đơn đặt hàng số SFVN-PO000000487-3 gửi Công ty H. Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất giao kết và thực hiện Hợp đồng mua bán số 20343737 ngày 28/10/2019 (gọi tắt là "**Hợp đồng**"), theo đó Công ty S mua từ Công ty H các phụ kiện đồ nội thất với tổng số lượng là 108.700 cái, tổng giá trị Hợp đồng là 57.819,50 USD căn cứ theo Bảng báo giá số 20343737 ngày 28/10/2019 đính kèm Hợp đồng.

Hợp đồng quy định thanh toán được chia làm hai đợt: đặt cọc 30% giá trị Hợp đồng tương đương 17.345,85 USD ngay sau khi ký Hợp đồng và thanh toán 70% số tiền còn lại tương đương 40.473,65 USD trong vòng 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn. Thời hạn hoàn thành để sẵn sàng gởi hàng là từ 06-07 tuần sau khi nhận được tiền đặt cọc.

+ Thực hiện Hợp đồng, Công ty S chuyển số tiền đặt cọc 17.345,85 USD cho Công ty H vào ngày 21/11/2019. Công ty H hoàn tất đơn hàng, tiến hành xuất hàng và gửi cho Công ty S các chứng từ giao hàng trong đó có Hóa đơn số 92047915 ngày 08/01/2020, như vậy ngày đến hạn thanh toán 70% số tiền còn lại tương đương 40.473,65 USD là ngày 08/03/2020.

+ Công ty S nhận được hàng ngày 25/02/2020 nhưng đến ngày 08/03/2020 vẫn không thanh toán cho Công ty H số tiền còn lại nêu trên.

+ Sau 08 tháng trì hoãn thanh toán với lý do khó khăn về tài chính do đại dịch Covid-19, đến ngày 02/11/2020 Công ty S mới thanh toán thêm 10.000 USD và đến ngày 08/01/2021 thanh toán tiếp được 10.000 USD và ngưng thanh toán cho đến nay. Như vậy, Công ty S đã thanh toán cho Công ty H 03 đợt với tổng số tiền là 37.345,85 USD, còn nợ lại 20.473.65 USD.

+ Đến ngày 18/01/2021, Công ty S gửi văn bản đề nghị Công ty H giảm khoảng 30% trên số tiền 20.473,65 USD còn nợ và Công ty S sẽ thanh toán số tiền 14.300 USD còn lại trước ngày 01/03/2021. Công ty H không đồng ý với đề nghị này và vẫn yêu cầu Công ty S thanh toán đầy đủ số nợ còn lại do Công ty S trì hoãn thanh toán quá lâu gây nhiều thiệt hại cho Công ty H.

+ Từ đó đến nay, Công ty S vẫn không thanh toán số nợ còn lại, buộc lòng Công ty H phải đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết để yêu cầu Công ty S trả số nợ gốc còn lại và tiền lãi chậm trả phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định của Luật Thương mại. Hiện nay lãi suất cho vay bằng USD (đô la Mỹ) là 6%/năm; lãi suất nợ quá hạn (150% lãi suất cho vay) là 9%/năm (150% lãi suất cho vay) tức 0,75%/tháng hay 0.025%/ngày. Tạm tính tiền lãi chậm trả từ ngày đến hạn thanh toán (08/03/2020) đến 16/02/2022 cụ thể như sau:

+ Từ ngày 08/03/2020 đến ngày 02/11/2020 là: 234 ngày, với số tiền lãi là:

40.473,65 USD x 0,025%/ngày x 234 ngày = 2.367,70 USD

+ Từ ngày 02/11/2020 đến ngày 08/01/2021 là: 66 ngày, với số tiền lãi là:

30.473,65 USD x 0.025%/ngày x 66 ngày = 502,82 USD

+ Từ ngày 08/01/2021 đến ngày 16/02/2022: 403 ngày, với số tiền lãi là:

20.473,65 USD x 0,025%/ngày x 403 ngày = 2.062,72 USD

Tổng số tiền lãi tạm tính: 4.933,24 USD.

Do đó, Công ty Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd yêu cầu Công ty TNHH S Furniture Việt Nam phải thanh toán cho Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd, những khoản tiền sau đây làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật:

+ Tiền mua hàng hóa còn nợ theo Hợp đồng là 20.473,65 USD;

+Tiền lãi chậm trả tính từ ngày đến hạn thanh toán (08/03/2020) đến thời điểm thực trả; tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 4.933,24 USD.

Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến nay là 25.406,89 USD (tương đương 576.078.470 đồng; tỷ giá 23.000 đồng/1USD), Công ty H sẽ tiếp tục tính lãi số tiền này cho đến khi bên Công ty S thanh toán đủ nợ gốc cho Công ty H.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty TNHH S Furniture Việt Nam không đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm việc, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty TNHH S Furniture Việt Nam được.

[3] Tại phiên tòa;

- Những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về phần lãi phát sinh; cụ thể: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh là tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 4.933,24 USD; nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2022) là 2.215,76 USD.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ, các văn bản tố tụng đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc phiên tòa sơ thẩm;

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nhận thấy, phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến tranh luận của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021, Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd (sau đây được gọi tắt là Công ty H) yêu cầu Công ty TNHH S Furniture Việt Nam (sau đây được gọi tắt là Công ty S) phải trả cho Công ty H số tiền mua các phụ kiện đồ nội thất còn thiếu là 20.473,65 USD và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 08/03/2020 đến ngày 16/02/2022 là 4.933,24 USD; tổng cộng là: 25.406,89 USD nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty S có trụ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S.

[1.4] *Về yêu cầu của đương sự*: Tại phiên tòa, những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về phần lãi phát sinh; cụ thể: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh là tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 4.933,24 USD; nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2022) là 2.215,76 USD. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá nôi dung khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 26/10/2019, Công ty S có Đơn đặt hàng số SFVN-PO000000487-3 gửi Công ty H; ngày 28/10/2019, hai bên thống nhất giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán số 20343737. Theo đó, Công ty S mua từ Công ty H các phụ kiện đồ nội thất với tổng số lượng là 108.700 cái, tổng giá trị hợp đồng là 57.819,50 USD. Theo Điều 4 của hợp đồng thì việc thanh toán được chia làm hai đợt: đặt cọc 30% giá trị hợp đồng tương đương 17.345,85 USD ngay sau khi ký hợp đồng và thanh toán 70% số tiền còn lại tương đương 40.473,65 USD trong vòng 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S chuyển số tiền đặt cọc 17.345,85 USD cho Công ty H vào ngày 21/11/2019, Công ty H hoàn tất đơn hàng, tiến hành xuất hàng và gửi cho Công ty S các chứng từ giao hàng trong đó có hóa đơn số 92047915 ngày 08/01/2020,

như vậy ngày đến hạn thanh toán 70% số tiền còn lại tương đương 40.473,65 USD là ngày 08/03/2020. Tuy nhiên, ngày 02/11/2020 Công ty S mới thanh toán được số tiền là 10.000 USD và đến ngày 08/01/2021 thanh toán tiếp được số tiền là 10.000 USD và còn nợ lại số tiền theo hợp đồng là 20.473.65 USD. Tại văn bản đề ngày 18/01/2021, Công ty S xác nhận còn thiếu Công ty H số tiền 20.473,65 USD, đồng thời đề nghị Công ty H giảm khoảng 30% trên tổng số tiền 20.473,65 USD còn nợ và Công ty S sẽ thanh toán số tiền 14.300 USD còn lại trước ngày 01/03/2021, tuy nhiên Công ty H không đồng ý. Từ sau ngày 18/01/2021, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Công ty S đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán ngày 28/10/2019 cho Công ty H. Do đó, việc Công ty H yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền mua phụ kiện đồ nội thất còn thiếu là 20.473,65 USD là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về tiền chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng thì Công ty S phải thanh toán tiền hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Sau khi thỏa thuận, Công ty H đã hoàn tất đơn hàng, tiến hành xuất hàng và gửi cho Công ty S các chứng từ giao hàng trong đó có Hóa đơn số 92047915 ngày 08/01/2020, như vậy ngày đến hạn thanh toán 70% số tiền còn lại tương đương 40.473,65 USD là ngày 07/03/2020. Tuy nhiên, ngày 02/11/2020 Công ty S mới thanh toán được số tiền là 10.000 USD và đến ngày 08/01/2021 mới thanh toán tiếp được số tiền là 10.000 USD. Do đó, việc Công ty H yêu cầu Công ty S phải trả lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 08/3/2020 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hang hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Theo biên bản xác minh 03 Ngân hàng thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đối với USD từ 2,5%-3%/năm x 150%; nên việc Công ty H yêu cầu Công ty S phải trả lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 08/3/2020 với lãi suất 2,51%/năm x 150% (tương đương với 0,0104583333%/ngày) là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc Công ty S phải trả lãi cho Công ty H số tiền lãi, cụ thể là:

+ Từ ngày 08/03/2020 đến ngày 02/11/2020 là: 234 ngày, với số tiền lãi là:

40.473,65 USD x 0,0104583333%/ngày x 234 ngày = 990,49 USD.

+ Từ ngày 02/11/2020 đến ngày 08/01/2021 là: 66 ngày, với số tiền lãi là:

30.473,65 USD x 0,0104583333%/ngày x 66 ngày = 210,34 USD.

+ Từ ngày 08/01/2021 đến ngày 27/4/2022 là: 474 ngày, với số tiền lãi là:

20.473,65 USD x 0,0104583333%/ngày x 474 ngày = 1.014,93 USD.

Tổng số tiền lãi Công ty S phải trả cho Công ty H là: 2.215,76 USD.

[4]. Tổng cộng, buộc Công ty S phải trả cho Công ty H số tiền mua các phụ kiện đồ nội thất còn thiếu và lãi phát sinh là 22.689,41 USD.

[5]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty S phải nộp trên số tiền phải trả cho Công ty H số tiền là 22.689,41 USD, tương đương với 524.919.500 đồng (23.135 đồng/1USD), với số tiền án phí cụ thể là:

20.000.000 đồng (của số tiền là 400.000.000 đồng) + 4% x 124.919.500 đồng (số tiền vượt quá 400.000.000 đồng) = 24.996.700 đồng.

- Công ty H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn là Công ty TNHH S Furniture Việt Nam.

1.1. Buộc Công ty TNHH S Furniture Việt Nam phải trả cho Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd số tiền mua các phụ kiện đồ nội thất còn thiếu và lãi phát sinh là 22.689,41 USD.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH S Furniture Việt Nam phải chịu số tiền 24.996.700 đồng.

2.2. Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd không phải chịu; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty H Singapore (S.E.A.) Pte.Ltd số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.374.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 04/01/2022.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng